

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU THỐNG NHẤT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30./CBTT-TRC

Bà Rịa, ngày 16 tháng 01 năm 2023.

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỶ

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

- Mã chứng khoán: TNC

- Địa chỉ: Số 256, đường 27/4, P. Phước Hưng, TP Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa-Vũng
Tàu

- Điện thoại liên hệ: 02543.823119

Fax: 02543.823120

- E-mail: thongnhat.trc@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính quý IV năm 2022 .

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 16/01/2023 tại đường dẫn <http://trc.com.vn/quanhecodong.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:
Báo cáo tài chính quý IV năm 2022..



Nguyễn Nhật Thành Lâm

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
PHÒNG KẾ TOÁN – TÀI VỤ



CP CAO SU THỐNG NHẤT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ IV NĂM 2022

*BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*

Kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		224,301,703,447	224,017,465,490
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3,983,258,871	2,904,736,059
Tiền	111		3,983,258,871	2,904,736,059
Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		147,000,000,000	165,000,000,000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK kinh doanh ngắn hạn (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		147,000,000,000	165,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21,418,535,867	16,144,973,176
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		18,657,185,445	10,567,023,765
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		589,045,918	478,350,188
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136		7,105,493,439	10,038,788,158
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(4,933,188,935)	(4,939,188,935)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		51,883,748,066	39,481,928,002
Hàng tồn kho	141		51,883,748,066	39,481,928,002
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16,160,643	485,828,253
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	466,341,934
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		16,160,643	19,486,319
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		179,691,555,908	161,702,155,462
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		88,131,531,923	87,894,009,119
Tài sản cố định hữu hình	221		88,131,531,923	87,894,009,119
Nguyên giá	222		176,458,181,744	169,211,318,349
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(88,326,649,821)	(81,317,309,230)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		340,000,000	340,000,000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(340,000,000)	(340,000,000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		40,188,283,718	40,260,050,377
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		40,188,283,718	40,260,050,377
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		48,511,175,704	27,311,175,704
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		26,811,175,704	26,811,175,704
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		21,700,000,000	500,000,000



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2,860,564,563	6,236,920,262
Chi phí trả trước dài hạn	261		2,860,564,563	6,236,920,262
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		403,993,259,355	385,719,620,952
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		60,216,742,646	47,051,269,265
I. Nợ ngắn hạn	310		49,979,599,933	38,051,269,265
Phải trả người bán ngắn hạn	311		1,037,111,326	539,976,029
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		80,374,998	1,178,996,800
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		5,647,543,577	1,428,937,827
Phải trả người lao động	314		8,294,774,382	7,154,391,914
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		202,289,691	175,984,000
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319		1,995,800,666	14,994,035,826
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		20,000,000,000	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		12,721,705,293	12,578,946,869
Quỹ bình ỏ giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		10,237,142,713	9,000,000,000
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		10,237,142,713	9,000,000,000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		343,776,516,709	338,668,351,687
I. Vốn chủ sở hữu	410		343,776,516,709	338,668,351,687
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		192,500,000,000	192,500,000,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		192,500,000,000	192,500,000,000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		95,474,011,654	95,474,011,654
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		55,802,505,055	50,694,340,033
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3,986,071,157	11,424,457,932
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		51,816,433,898	39,269,882,101
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Nguồn kinh phí	431			
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		403,993,259,355	385,719,620,952

ĐINH TẤN THÔNG TIN
Người lập Bảng

TRẦN HỮU TRÍ
Kế Toán Trưởng



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Tổng Giám đốc
Bà Rịa, ngày 16 tháng 01 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa

Mẫu số B 02 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	Thuyết minh	Quý 04		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này
		Năm nay	Năm trước	
		VND	VND	VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28,651,547,899	31,742,008,500	97,357,827,747
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-
10	Doanh thu thuần	28,651,547,899	31,742,008,500	97,357,827,747
11	Giá vốn hàng bán	22,434,584,572	24,822,764,954	75,294,661,865
20	Lợi nhuận gộp	6,216,963,327	6,919,243,546	22,063,165,882
21	Doanh thu hoạt động tài chính	2,327,860,318	2,604,132,580	32,892,020,950
22	Chi phí tài chính	14,190,712	-	14,190,712
23	Trong đó: chi phí lãi vay	-	-	-
24	Chi phí bán hàng	861,735,174	486,001,657	2,702,568,650
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4,321,106,098	3,439,129,028	9,673,803,211
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3,347,791,661	5,598,245,441	42,564,624,259
31	Thu nhập khác	179,594,691	1,301,563,875	19,531,114,191
32	Chi phí khác	1,166,712,672	810,779,711	4,479,372,446
40	Lợi nhuận khác	(987,117,981)	490,784,164	15,051,741,745
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2,360,673,680	6,089,029,605	57,616,366,004
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	391,541,537	112,334,247	5,799,932,106
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1,969,132,143	5,976,695,358	51,816,433,898
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	102	2,692	2,082
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	102	2,692	2,082

Đinh Tấn Thông

Trần Hữu Trí



ĐINH TẤN THÔNG TIN
Người lập Bảng

TRẦN HỮU TRÍ
Kế toán trưởng

NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM

Tổng Giám đốc
Bà Rịa, ngày 16 tháng 01 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa

Mẫu số B 03 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		57,616,366,004	42,115,727,071
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao tài sản cố định	02		2,375,605,858	3,666,582,883
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		(6,000,000)	(68,000,000)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(51,550,189,771)	(22,488,174,131)
Chi phí lãi vay	06		-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08		8,435,782,091	23,226,135,823
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(7,934,284,647)	123,299,678
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(12,401,820,064)	6,855,993,544
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		(11,420,388,539)	2,091,545,648
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		3,376,355,699	(6,816,548,830)
Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1,973,962,815)	(513,379,770)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(462,212,794)	(3,502,588,352)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(22,380,531,069)	21,464,457,741
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(11,705,557,542)	(10,258,596,287)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		20,927,347,235	(46,907,727)
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3,200,000,000)	(13,000,000,000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		36,025,084,838	23,711,926,303
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		42,046,874,531	406,422,289
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18,587,820,650)	(87,708,750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(18,587,820,650)	(87,708,750)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ				
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	50		1,078,522,812	21,783,171,280
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	60		2,904,736,059	22,514,405,476
	70		3,983,258,871	44,297,576,756

[Signature]

ĐINH TẤN THÔNG TIN
Người lập Bảng

[Signature]

TRẦN HỮU TRÍ
Kế toán trưởng



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Tổng Giám đốc

Bà Rịa, ngày 16 tháng 01 năm 2023 5

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV Năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi là “Công ty”) được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 22/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới một số doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và theo Quyết định số 4993/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Cao su Thống Nhất thành Công ty cổ phần.

Ngày 26 tháng 06 năm 2006. Công ty Cao su Thống Nhất chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000263 và cấp lại mã số doanh nghiệp số 3500100424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần thứ 3 vào ngày 15/7/2016. vốn điều lệ của Công ty là 192.500.000.000 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Nông nghiệp & công nghiệp chế biến

3. Ngành nghề kinh doanh:

Trồng mới, chăm sóc, khai thác, sơ chế, mua bán cao su; Chế biến, mua bán nông sản, rau quả, thức ăn gia súc, gỗ và các sản phẩm từ gỗ cao su, gỗ rừng trồng; Chăn nuôi gia súc, gia cầm; Dọn dẹp, tạo mặt bằng xây dựng (San lấp mặt bằng); Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Khai thác vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản (đất, đá, cát); Mua bán phế liệu các loại; mua bán vật tư kim khí, thiết bị ô tô, xe máy, hoá chất (không phải hoá chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông), phân bón và nông lâm sản, cao su; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá; Kinh doanh ván Okal, ván MDF, gỗ ván nhân tạo các loại; Kinh doanh ô tô các loại: xe mới 100% và xe đã qua sử dụng.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

6. Cấu trúc doanh nghiệp:

Văn phòng chính của Công ty đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Danh sách các đơn vị trực thuộc Công ty không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

+ *Nông trường Cao su Hòa Bình 2 – Xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;*

+ *Đội Cao su Phong Phú - Xã Long Phước, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;*

+ *Nhà máy CB Mủ Cao Su Bàu Non - Xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;*

+ *Đội Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thống Nhất - Xã Đá Bạc, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;*

+ *Xí nghiệp CBNS Phước Hưng – Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.*

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính V/v Hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp;

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng:

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

- Công ty tổ chức công tác kế toán theo hình thức tập trung, các đơn vị trực thuộc thực hiện hình thức kế toán báo sổ về Công ty.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, các tài sản bằng tiền và nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất).

0042
TY
ÂN
U
HẬT
1-VUN

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 20 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	5 - 07 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 07 năm

7. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm quản lý vườn cây được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao 06 năm.

8. Xây dựng cơ bản dở dang (“XDCB”)

8.1 Vườn cây cao su

Vườn cây cao su trong giai đoạn đầu tư được ghi nhận như chi phí xây dựng cơ bản dở dang và không trích khấu hao cho đến khi vườn cây cao su được đưa vào khai thác.

Giá gốc của vườn cây cao su khi đưa vào khai thác được xác định bằng diện tích khai thác nhân với suất đầu tư. Khi thanh lý vườn cây cao su, phần chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị còn lại của vườn cây cao su được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Khấu hao của vườn cây cao su được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ước tính 20 năm.

8.2 Xây dựng cơ bản dở dang khác

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành, mua sắm máy móc thiết bị chưa nghiệm thu và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

9. Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức

kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với

mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

10. Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí phát sinh nhưng thực tế chưa chi trả trong năm và được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

12. Quỹ tiền lương

Tiền lương được tính và ghi nhận vào chi phí trong năm tài chính này căn cứ theo phương án do Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

13. Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận trước thuế. Riêng đối với hoạt động sau:

-Hoạt động trồng trọt, chế biến nông sản thực hiện tại Nông trường cao su Hoà Bình 2, Nông trường cao su Phong phú thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn (huyện Châu Đức và huyện Xuyên Mộc). Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận trước thuế.

-Hoạt động trồng trọt, chế biến nông sản thực hiện tại Thành phố Bà Rịa không thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 15% trên lợi nhuận trước thuế.

15. Các bên có liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động, các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba. Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH Hưng Nhơn	Đồng Nai, Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty CP Phát triển Công nghệ và Dịch vụ Sáng Tạo	TP.HCM, Việt Nam	Bên liên quan
Công ty TNHH Phân Bón Hữu Cơ Bách Tùng	Đồng Nai, Việt Nam	Bên liên quan

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

1. Tiền	Cuối năm	Đầu năm
- Tiền mặt	534.207.595	248.589.743
- Tiền gửi ngân hàng	3.449.051.276	2.656.146.316
- Các khoản tương đương tiền		
Tổng cộng:	3.983.258.871	2.904.736.059

a) Chi tiết tiền mặt	VND	Ngoại tệ	Cộng
Tại quỹ Văn phòng công ty	521.994.589		521.994.589
Tại quỹ NTCS Hòa Bình 2	1.491.051		1.491.051
Tại quỹ NTCS Phong Phú	8.658.868		8.658.868
Tại quỹ Nhà máy SCCS Bàu Non	318.961		318.961
Tại quỹ Đội NN UDCNC Thống Nhất 2	1.744.126		1.744.126
Tổng cộng:	534.207.595	-	534.207.595

b) Chi tiết tiền gửi ngân hàng	Tiền gửi VND	Tiền gửi USD	Cộng
Ngân hàng NN&PTNT Vũng tàu	2.135.548.008		2.135.548.008
Ngân hàng NN&PTNT Tỉnh Bà Rịa Vũng tàu	1.002.800		1.002.800
HDBank - Chi nhánh Vũng Tàu	1.339.170		1.339.170
Maritime Bank - Chi nhánh Vũng Tàu	125.390		125.390
BIDVBank -Chi nhánh tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	5.006.014		5.006.014
Sacombank - CN huyện Châu Đức	795.291.132		795.291.132
Agribank - CN huyện Châu Đức	506.633.051		506.633.051
Ngân hàng TMCP Kiên Long CN BR – VT	1.334.257		1.334.257
Vietcombank Bà Rịa	2.771.454		2.771.454
Tổng cộng:	3.449.051.276		3.449.051.276

c) Chi tiết các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống		-
Tổng cộng:		-
Tổng cộng:		-

2. Các khoản đầu tư tài chính	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh						

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Cuối kỳ		Đầu năm			
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ		
b1) Ngắn hạn	147.000.000.000	147.000.000.000	165.000.000.000	165.000.000.000		
- Tiền gửi có kỳ hạn	147.000.000.000	147.000.000.000	165.000.000.000	165.000.000.000		
- Trái phiếu						
b2) Dài hạn						
- Tiền gửi có kỳ hạn						
- Trái phiếu						
- Các khoản đầu tư khác						
Tổng công (b1+b2)	147.000.000.000	147.000.000.000	165.000.000.000	165.000.000.000		
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào đơn vị khác (*)	26.811.175.704			26.811.175.704		

(*) Đây là khoản vốn góp trong Công ty cổ phần dịch vụ xuất nhập khẩu nông lâm sản và phân bón Bà Rịa (Bariaserece) là 1.796.000 USD tương đương với 26.811.175.704 VND theo tỷ giá tại thời điểm góp vốn chiếm tỷ lệ 12% vốn điều lệ công ty này.

3. Phải thu khách hàng	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	18.657.185.455	4.599.004.935	10.567.023.765	4.621.368.935
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	4.089.180.000	4.089.180.000	4.099.180.000	4.099.180.000
Công ty TNHH TM Long Phương Uyên	54.560.000		-	
Công ty TNHH MTV SX Khánh Trường Thịnh	-		666.867.830	
Ông Lê Trung Hòa	-		20.730.500	
Ông Trần Tuấn Thành	803.266.000		132.056.500	
Công ty TNHH SX TMDV XNK Minh Quyền	-		44.000.000	
Công ty TNHH SX TM Bảo Nhiên	621.724.740		-	
Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân	-		5.082.000.000	
Ông Nguyễn Tấn Lộc	12.398.400.000		-	
Ông Hoàng Quốc Đạt	180.229.770			
Các khách hàng là Đại lý bán cám	509.824.935	509.824.935	522.188.935	522.188.935
b) Phải thu của khách hàng dài hạn				
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				
Tổng cộng:	18.657.185.445	4.599.004.935	10.567.023.765	4.621.368.935

4. Trả trước cho người bán	Cuối năm	Đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	589.045.918	478.350.188
Công ty CP Đất Đỏ	340.000.000	340.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Công ty CP tư vấn và thẩm định giá Đông Nam	82.500.000		82.500.000
Công ty TNHH TM DV XD Tân Thành Phát	20.000.000		-
Công ty TNHH TMDV Văn Khanh			22.400.000
Công ty Cổ Phần Lốp Xe Việt			8.600.000
Trung tâm chứng nhận phù hợp QUACERT			10.500.000
Công ty TNHH DV Công nghiệp Duy Phát	63.180.000		-
Trả tiền vật tư, nguyên liệu	83.365.918		14.350.188
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-		
c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-		
Tổng cộng:	589.045.918		478.350.188

5. Phải thu khác	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	7.105.493.439	-	10.038.788.158	-
Công ty TNHH Phát Hưng Tây Ninh	317.820.000		317.820.000	
Phải thu bảo hiểm người lao động	123.950.220		118.322.998	
Phải thu thuế TNCN người lao động	366.517.663		133.967.894	
Lãi tiền gửi phải thu	6.174.205.556		9.307.269.444	
Phải thu phụ cấp HDQT & Ban Kiểm soát			-	
Phải thu tiền tạm ứng người lao động	18.000.000		18.000.000	
Tiền ký quỹ (TK 2441)	5.000.000		5.000.000	
Các khoản phải thu – Cty TNHH Sx TM XK Minh Quyền	5.000.000			
Phải thu khác	-		38.407.822	
Phải thu tiền thuế GTGT tính trước			-	
Phải thu về cổ phần hóa	100.000.000		100.000.000	
b) Dài hạn	-	-	-	-
Tổng cộng:	7.105.493.439		10.038.788.158	

6. Dự phòng phải thu khó đòi	Cuối năm	Đầu năm
a. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	4.933.188.935	4.939.188.935
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	4.417.000.000	4.417.000.000
Dương Thị Yến	53.000.000	53.000.000
Lê Ngọc Tùng	15.364.340	21.364.340
Dương Minh Chiến	35.379.160	35.379.160
Nguyễn Văn Phước	6.550.000	6.550.000
Lê Thị Trúc Lệ	59.115.235	59.115.235
TT Khuyến Nông	8.320.000	8.320.000
Nguyễn Thanh Tự	58.300.000	58.300.000
Anh Hoàng - Long Phước	2.933.500	2.933.500
Nguyễn Thị Hồng Phượng	246.776.700	246.776.700
Nguyễn Thanh Quang	10.450.000	10.450.000
Dương Văn Lợi	20.000.000	20.000.000
b. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	-
c. Dự phòng phải thu khó đòi là các bên liên quan	-	-
Tổng cộng:	4.933.188.935	4.939.188.935

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

7. Tài sản thiếu chờ xử lý	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a) Tiền				
b) Hàng tồn kho				
c) TSCĐ				
d) Tài sản khác				

8. Nợ xấu	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đối tượng nợ
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
Tổng cộng:					

9. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường		-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	3.714.514.556		4.390.411.578	
- Công cụ, dụng cụ	960.337.560		1.145.242.572	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.636.778.563		12.239.516.010	-
- Thành phẩm	36.572.117.387		21.706.757.842	
- Hàng hoá	-	-	-	-
Tổng cộng:	51.883.748.066	-	39.481.928.002	-

10. Tài sản dở dang dài hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-
Chi phí trồng tre và chuối tại PP&NTCS Hoà Bình 2	-		-	-
Chi phí trồng keo lai tại NTCS Phong Phú	-			
b) Xây dựng cơ bản dở dang	40.188.283.718	-	40.260.050.377	-
Vườn cây cao su tại NTCS Phong Phú	2.576.765.316		1.871.284.068	
Vườn cây cao su tại NTCS Hoà Bình	34.623.310.835		38.309.727.131	
Dự án B94 – Bàu Mỹ	2.904.875.078			
Vườn Điều tại Đội CS Phong Phú	83.332.489		79.039.178	
Tổng cộng:	40.188.283.718	-	40.260.050.377	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây cao su	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	64.272.198.394	23.624.310.689	6.980.542.080	757.850.894	80.358.949.284	175.993.851.341
- Mua trong năm						0
- Đầu tư XDCB hoàn thành					832.480.797	832.480.797
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán					28.150.394	28.150.394
- Giảm khác						-
Số dư cuối năm	64.272.198.394	23.624.310.689	6.980.542.080	757.850.894	81.163.279.687	176.798.181.744
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	42.290.644.521	20.901.868.806	5.069.014.357	735.622.483	17.295.277.633	86.292.427.800
- Khấu hao trong năm	888.354.146	307.220.545	162.987.155	2.151.136	1.014.892.876	2.375.605.858
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán					1.384.139	1.384.139
- Giảm khác						-
Số dư cuối năm	43.178.998.667	21.209.089.351	5.232.001.512	737.773.619	18.308.786.370	88.666.649.519
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm	21.981.553.873	2.722.441.883	1.911.527.723	22.228.411	63.063.671.651	89.701.423.541
- Tại ngày cuối năm	21.093.199.727	2.415.221.338	1.748.540.568	20.077.275	62.854.493.317	88.131.532.225

12. Tăng, giảm TSCĐ vô hình	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	-	-	340.000.000
- Mua trong năm				
- Thanh lý, nhượng bán				
Số dư cuối năm	-	-	-	340.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế				340.000.000
Số dư đầu năm	-	-	-	-
- Khấu hao trong năm				
- Thanh lý, nhượng bán				
Số dư cuối năm	-	-	-	-
Giá trị còn lại				
- Tại ngày đầu năm	-	-	-	-
- Tại ngày cuối năm	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

13. Chi phí trả trước	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối kỳ
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	-	24.319.504.831	24.319.504.831	-
Khấu hao tài sản cố định chờ phân bổ		4.624.374.596	4.624.374.596	
Chi phí tiền thuê đất nông nghiệp chờ phân bổ		7.199.553.130	7.199.553.130	
Chi phí bảo hiểm phải nộp chờ phân bổ		2.151.873.710	2.151.873.710	
Chi phí khác (Chi phí vật tư, CCDC chờ phân bổ, chi phí khác bằng tiền...)		10.343.703.395	10.343.703.395	
b. Chi phí trả trước dài hạn	6.236.920.262	1.924.938.122	5.301.293.821	2.820.564.563
Chi phí sửa chữa TSCĐ, CCDC xuất dùng	6.236.920.262	1.924.938.122	5.301.293.821	2.860.564.563
Tổng cộng:	6.236.920.262	26.244.442.953	29.620.798.652	2.860.564.563

14. Tài sản khác	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn:	-	466.341.934
- Thuế GTGT được khấu trừ		466.341.934
b) Dài hạn	-	
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Tổng cộng:	-	466.341.934

15. Phải trả người bán	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	1.037.111.326	1037.111.326	539.976.029	539.976.029
Nguyễn Thị Thu Hồng	27.063.387	27.063.387	73.039.468	73.039.468
Bùi Thị Tuyết Nhung	7.423.014	7.423.014	30.771.012	30.771.012
Huỳnh Thị Mỹ Dung	9.351.790	9.351.790	45.537.453	45.537.453
Công ty TNHH Toàn Phát Lộc	114.750.009	114.750.009	-	-
Công ty TNHH SX & TM Vôi Hà Nam	70.161.600	70.761.600	-	-
Công ty TNHH SX Bình Thuận Phát	70.021.026	70.201.026	-	-
Công ty TNHH Quốc Tế Nông Nghiệp Vàng	231.478.000	231.478.000	48.438.096	48.438.096
Công ty CP Công Nghiệp Nông nghiệp Xanh	60.112.500	60.112.500	-	-
Cửa hàng Cơ Khí Thanh Hào	14.000.000	14.000.000	-	-
Công ty TNHH Cách Nhiệt Hà Bắc	-	-	103.740.000	103.740.000
Công ty TNHH SX TM DV XNK Minh Quyền			238.450.000	238.450.000
Công ty TNHH Phân Bón Kiến Khoa	431.970.000	431.970.000	-	-
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
d) Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết cho từng đối tượng)				

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

16. Người mua trả tiền trước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP TM-DV-DL Cao su		632.600.000
Nguyễn Thị Hồng Lệ	-	180.000.000
Công ty TNHH TM & DV Ngọc Bửu	-	340.592.000
Công ty TNHH Vinh Đại Phát	4.800.000	
Lê Thanh Hùng	50.000.000	
Tiền phải thu từ khách hàng khác	25.574.998	25.804.800
Tổng cộng:	80.374.998	1.178.996.800

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	-	2.504.589.441	2.192.750.910	311.838.531
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-			
Thuế Xuất nhập khẩu	-			
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.380.973.826	5.919.967.242	1.973.962.815	5.326.978.253
Thuế thu nhập cá nhân (*)	46.635.040	1.139.279.259	1.178.518.386	7.395.913
Thuế tài nguyên	1.328.960	14.020.480	14.018.560	1.330.880
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		16.680.761.795	16.677.436.119	-
Thuế bảo vệ môi trường				-
Các loại thuế khác		8.000.000	8.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác				-
Tổng cộng:	1.428.937.826	26.267.187.972	22.045.256.545	5.647.543.577
Trong đó:				
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	638.256.320	-		
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1.428.937.826	-		5.347.543.577

18. Phải trả người lao động	Cuối năm	Đầu năm
Tiền lương còn lại phải trả	8.294.774.382	7.154.391.914
Tổng cộng:	8.294.774.382	7.154.391.914

19. Chi phí phải trả	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn	202.289.691	175.984.000
Tiền ăn giữa ca		
- <i>Đội cao su Phong Phú</i>	16.239.000	15.702.000
- <i>NTCS Hòa Bình</i>	113.610.000	97.192.000
- <i>Nhà máy CBM Bàu Non</i>	12.654.000	13.090.000
- <i>Đội NNUDCNC Thống Nhất</i>	7.286.691	
Chi phí kiểm toán BCTC	52.500.000	50.000.000
b) Dài hạn	202.289.691	175.984.000
Tổng cộng:	202.289.691	175.984.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

20. Phải trả khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	1.995.800.666	2.152.161.782
Công ty TNHH TK XD Núi Đất	42.000.000	42.000.000
Công ty TNHH XD TM DV ĐT Trần Văn	21.700.000	21.700.000
Công ty TNHH An Hạ	49.200.000	49.200.000
DNTN Lê Khánh	25.000.000	25.000.000
Công ty TNHH Hoàng Diệp	16.695.000	16.695.000
Công ty TNHH TM DV KT Thuận Phong	60.000.000	60.000.000
Cty TNHH MTCL Sài Gòn	14.858.250	14.858.250
Ông Lý Nhân Tâm	76.720.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Xuân Thọ	26.000.000	26.000.000
Công ty TNHH MTV Cơ Khí BK	39.622.000	39.622.000
Cơ khí Thanh Hào	35.001.000	-
Công ty TNHH Vinh Đại Phát	-	-
Công ty TNHH Đại Thiên Tân	10.366.296	113.189.710
Công ty TNHH Kyzuna MTV BRVT	-	-
Công ty TNHH SXTMDV-XNK Minh Quyền	-	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.331.211.218	1.488.620.808
Viện điều dưỡng Nông nghiệp (NT Cà phê)	247.426.902	247.426.902
Các khoản phải nộp khác (TCBHXH)	-	7.849.112
b) Dài hạn	10.237.142.713	9.328.131.371
Công ty TNHH Kizuna	-	-
Công ty TNHH SX TM DV Minh Quyền	10.237.142.713	9.328.131.371
Tổng cộng:	12.232.943.379	11.480.293.153

21. Vay và nợ thuê tài chính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20.000.000.000	
Cộng	20.000.000.000	

22. Dự phòng nợ phải trả	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối năm
Chi phí hỗ trợ pháp lý				-
Chi phí trợ cấp thôi việc				
Tổng cộng:	-	-	-	-

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	7.003.748.450	2.408.170.500	3.091.200.000	6.320.718.950
Quỹ phúc lợi	5.431.198.419	6.040.564.500	5.070.776.576	6.400.986.343
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	-			-
Quỹ khen thưởng ban quản lý, điều hành công ty	144.000.000	162.000.000	306.000.000	-
Tổng cộng:	12.578.946.869	8.610.735.000	8.467.976.576	12.721.705.293

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

24. Vốn chủ sở hữu

<i>a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu</i>	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4
Số dư đầu năm trước	192.500.000.000	95.474.011.654	50.694.340.033	338.668.351.687
- Lãi trong năm nay				
- Lỗ trong năm nay				-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển				-
- Trích lập quỹ khen thưởng, Phúc lợi				
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành				
- Chia cổ tức				
- Phụ cấp HĐQT & Ban KS				
- Giám khác				
Số dư cuối năm trước	192.500.000.000	95.474.011.654	50.694.340.033	338.668.351.687
Số dư đầu năm nay	192.500.000.000	95.474.011.654	55.802.505.055	343.776.516.709
- Lãi trong năm nay			51.816.433.898	51.816.433.898
- Lỗ trong năm nay				
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển				
- Giảm quỹ đầu tư phát triển				
- Trích lập quỹ khen thưởng, Phúc lợi				
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành				
- Chia cổ tức			(38.500.000.000)	(38.500.000.000)
Số dư cuối kỳ	192.500.000.000	95.474.011.654	69.118.938.953	357.092.950.607
		Số cuối kỳ		Số đầu năm
- UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (51%)		98.175.000.000		98.175.000.000
- Cổ đông khác (49%)		94.325.000.000		94.325.000.000
Cộng		192.500.000.000		192.500.000.000

<i>c) Cổ phiếu</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.250.000	19.250.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.250.000	19.250.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.250.000	19.250.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.250.000	19.250.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.250.000	19.250.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

+ Cổ phiếu phổ thông			
----------------------	--	--	--

*** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 VND**

25. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	Số cuối kỳ		Số đầu năm
Tài sản nhận giữ hộ			
Ngoại tệ (USD)			
Nợ khó đòi đã xử lý			

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán mũ cao su	9.524.410.000	15.552.164.500	45.297.017.500	39.512.134.500
Doanh thu gia công mũ cao su	1.613.004.400	1.871.328.000	5.120.941.000	4.798.906.350
Doanh thu mũ SVR thu mua chế biến	-	723.370.500	345.537.500	892.435.500
Doanh thu bán chuối xen canh	-	8.232.000	-	1.259.737.680
Doanh thu bán chuối	9.784.143.432	13.053.566.250	32.645.636.607	16.225.447.750
Doanh thu bán chuối hợp tác: Hợp tác kinh doanh (Minh Quyền)	7.576.800.000	28.883.250	12.442.507.000	6.383.552.230
Doanh thu khác	153.190.067	504.464.000	1.506.188.140	1.118.645.818
Tổng cộng	28.651.547.899	31.742.008.500	97.357.827.747	70.190.859.828

2. Các khoản giảm trừ doanh thu:	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại				
Giảm giá hàng bán				
Hàng bán bị trả lại				
Tổng cộng	-	-	-	-

3. Giá vốn hàng bán:	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán mũ cao su	9.182.545.788	10.708.627.678	35.474.238.877	30.030.080.385
Giá vốn gia công mũ cao su	1.266.138.495	1.558.675.862	4.465.860.538	4.222.822.265
Giá vốn mũ SVR thu mua chế biến	-	652.468.877	-	801.509.888
Giá vốn bán chuối xen canh	-	-	-	1.537.516.000
Giá vốn bán chuối	5.402.052.460	11.321.632.983	23.598.095.296	19.365.096.732
Giá vốn bán mít, chuối Hợp tác kinh doanh (Minh Quyền)	6.583.847.829	328.479.554	11.208.047.154	328.479.554
Giá vốn khác	-	252.880.000	548.420.000	497.108.657
Tổng cộng	22.434.584.572	24.822.764.954	75.294.661.865	56.782.613.481
Dự phòng (hoàn) giảm giá hàng tồn kho	-	--	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Tổng cộng	22.434.584.572	24.822.764.954	75.294.661.865	56.782.613.481
------------------	-----------------------	-----------------------	-----------------------	-----------------------

4. Doanh thu hoạt động tài chính:	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.327.860.318	2.604.132.580	8.610.539.043	11.356.582.297
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	24.281.481.907	25.921.563.413
Tổng cộng	2.327.860.318	2.604.132.580	32.892.020.950	37.278.145.710

5. Chi phí tài chính:	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	14.190.712	-	14.190.712	-
Chi phí tài chính khác	-	-	-	-
Tổng cộng	14.190.712	-	14.190.712	-

6. Chi phí bán hàng:	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí kiểm phẩm mủ cao su và bóc xếp	-	-	23.126.675	-
Chi phí vật tư đóng chuỗi thành phẩm	861.735.174	486.001.658	2.679.441.974	807.638.598
Tổng cộng	861.735.174	486.001.658	2.702.568.649	807.638.598

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp:	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	3.478.875.549	2.807.829.499	7.012.405.068	7.900.080.816
Khấu hao tài sản cố định	96.187.489	96.187.490	384.749.956	438.548.436
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	10.392.917	-	30.431.925
Chi phí trợ cấp mất việc làm	15.580.125	13.716.000	76.102.125	661.687.650
Thuế, phí và lệ phí	-	10.914.000	3.000.000	16.512.368
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền	730.462.935	500.089.122	2.203.546.062	1.922.382.822
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu	-	-	(6.000.000)	(60.500.000)
Tổng cộng	4.321.106.098	3.439.129.028	9.673.803.211	10.909.144.017
Các khoản giảm trừ chi phí quản lý	-	-	-	-
Tổng cộng	4.321.106.098	3.439.129.028	9.673.803.211	10.909.144.017

8. Thu nhập khác	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý tài sản (Cây cao su thanh lý)	-	-	-	-
Thu từ bán mủ bột nhà máy, chuỗi thứ phẩm	-	52.450.000	19.531.114.191	229.502.730

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Thu khác	179.594.691	1.265.026.303	-	2.027.562.680
Tổng cộng	179.594.691	1.317.476.303	19.531.114.191	2.257.065.410
<i>Giảm trừ giá trị còn lại và chi phí thanh lý cây cao su</i>	-	(15.912.428)	-	(93.185.155)
Tổng cộng	179.594.691	1.301.563.875	19.531.114.191	2.163.880.255

9. Chi phí khác	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao tài sản	-	184.391.103	-	574.652.193
Chi phí thanh lý cây cao su	-	-	-	-
Chi phí khác	1.166.712.672	642.301.036	4.479.372.446	1.587.750.073
<i>Giảm trừ giá trị còn lại và chi phí thanh lý cây cao su</i>	-	(15.912.428)	-	(93.185.155)
Tổng cộng	1.166.712.672	810.779.711	4.479.372.446	2.069.217.111

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.969.132.143	5.976.695.358	51.823.933.861	40.086.121.305
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	1.969.132.143	5.976.695.358	51.823.933.861	40.086.121.305
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.250.000	19.250.000	19.250.000	19.250.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	102	310	2.692	2.082

11. Chi phí SXKD theo yếu tố	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.420.652.154	5.579.263.554	23.761.488.051	14.807.078.722
- Chi phí công cụ dụng cụ	425.084.465	867.806.064	2.061.279.842	2.605.199.748
- Chi phí nhân công	17.096.419.665	15.980.417.804	40.274.212.004	33.541.408.378
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.960.420.239	5.642.488.750	12.558.287.216	16.090.198.030
- Chi phí khác bằng tiền	13.986.600.385	12.881.734.446	33.962.556.160	25.288.852.350
Cộng	41.889.176.908	40.951.710.618	112.617.823.273	92.332.737.228

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán: Không
3. Thông tin về các bên liên quan:

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên HĐQT. Ban kiểm toán nội bộ. Ban điều hành. thực nhận trong kỳ.

Phụ cấp Hội đồng Quản Trị và Ban Kiểm Toán Nội Bộ

Họ Và Tên	Chức vụ	Quý 4/2022	Lũy kế 12 tháng năm 2022
Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	Chủ tịch - HĐQT	30.000.000	120.000.000
Nguyễn Nhật Thành Lâm	Phó Chủ tịch - HĐQT	21.000.000	84.000.000
Nguyễn Văn Thoại	Thành viên - HĐQT	15.000.000	60.000.000
Đỗ Khắc Tùng	Thành viên - HĐQT	15.000.000	60.000.000
Phan Văn Phú	Thành viên - HĐQT	15.000.000	60.000.000
Nguyễn Thanh Bình	Thành viên - HĐQT	15.000.000	60.000.000
Phạm Văn Sơn	Thành viên - HĐQT	15.000.000	60.000.000
Cộng		126.000.000	504.000.000

Lương Ban điều hành Công ty

Họ Và Tên	Chức vụ	Quý 4/2022	Lũy kế 12 tháng năm 2022
Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	Chủ tịch - HĐQT	108.000.000	432.000.000
Nguyễn Nhật Thành Lâm	Tổng Giám Đốc	102.000.000	408.000.000
Trần Văn Thành	Phó Tổng Giám Đốc	60.000.000	220.000.000
Cộng		270.000.000	1.060.000.000

Lương Trưởng phòng nghiệp vụ Công ty

Họ Và Tên	Chức vụ	Quý 4/2022	Lũy kế 12 tháng năm 2022
Trần Hữu Trí	TP Kế toán – Tài vụ	56.400.000	200.146.000
Lê Thị Kim Chi	TP Tổ chức – Hành chính	39.530.000	139.572.000
Vũ Ngọc Thịnh	TP Kế hoạch – Tổng hợp	42.569.000	155.375.000
Lê Xuân Minh	TP Kỹ Thuật	41.202.000	149.756.000
Cộng		179.701.000	644.849.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Giao dịch với các bên có liên quan

Căn cứ tại Điểm 1.1Khoản 1.Điều 7 và Điểm 3.1. Khoản 3. Điều 10 Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu với các bên liên quan:

Nội dung nghiệp vụ	Mối quan hệ	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(đồng)
- Công ty bán cây cao su gãy đổ cho Công ty TNHH Hưng Nhơn	Cổ đông lớn. Vợ của thành viên HĐQT là Giám đốc Công ty.	-

- Văn phòng công ty bao gồm Nông trường cao su Hoà Bình 2; Đội cao su Phong Phú; Nhà máy chế biến mủ cao su Bàu Non.Đội Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thống Nhất : Chuyên khai thác.sơ chế. kinh doanh cao su...

- Xí nghiệp chế biến nông sản Phước Hưng: Sơ chế; kinh doanh hạt điều; gia công điều nhân

BÁO CÁO BỘ PHẬN CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Đơn vị tính: đồng

Báo cáo bộ phận	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này				
	Văn phòng công ty	Xí nghiệp CBNS Phước Hưng	Đội NNUDCNC Thống Nhất 1	Đội NNUDCNC Thống Nhất 2	Cộng
1, Doanh thu thuần	52.269.684.140	-	12.442.507.000	32.645.636.607	97.357.827.747
2. Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	52.269.684.140	-	12.442.507.000	32.645.636.607	-
3. Khấu hao	5.514.201.939	737.564.412	1.329.254.868	1.834.032.548	9.415.053.767
4. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50.760.016.195	(746.110.873)	1.234.459.846	6.368.000.837	57.616.366.005
5. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ					
6. Tài sản bộ phận	375.528.780.799	578.532.554	3.850.580.937	24.035.365.065	403.993.259.355
7. Tài sản không phân bổ					
Tổng Tài sản	375.528.780.799	578.532.554	3.850.580.937	24.035.365.065	403.993.259.355
8. Nợ phải trả bộ phận	49.979.599.933	-	10.237.142.713	-	60.216.742.646
9. Nợ phải trả không bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng Nợ phải trả	49.979.599.933	-	10.237.142.713	-	60.216.742.646

Ghi chú: Cột 4: Các số in đậm - khớp với số liệu trên Báo cáo KQKD và Bảng CĐKT

5. Thông tin so sánh:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2022

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

6. Thông tin về hoạt động liên tục:

7. Những thông tin khác:

Người lập bảng



ĐINH TẤN THÔNG TIN

Kế toán trưởng



Trần Hữu Trí

Bà Rịa, ngày 16 tháng 01 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Nhật Thành Lâm